

Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2026/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mộng B, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Mai Trung T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng B và anh Mai Trung T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 26/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (hiện nay xã A, tỉnh Vĩnh Long) chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng B nuôi con chung tên Mai Thùy V, sinh ngày 02/01/2017 (cháu V có nguyện vọng sống với chị B), Mai Kiến V1, sinh ngày 20/4/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Mai Trung T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Chị B, anh T trình bày không có.

2.3. Về nợ chung: Chị B, anh T trình bày không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị B tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001322 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Sau khi khấu trừ, chị B còn nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8- Vĩnh Long;
- UBND xã An Ngãi Trung, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Hạnh